

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định về giá dịch vụ đấu giá tài sản và chi phí sử dụng Công Đấu giá tài sản quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-VP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Trị về việc thành lập Hội đồng mua sắm, kiểm kê, sửa chữa, thanh lý tài sản cơ quan Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-VP ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Trị về việc thanh lý tài sản;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-VP ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Chánh Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá tài sản công.

Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Trị thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị được giao quản lý tài sản:

- Tên đơn vị: **VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH QUẢNG**

TRỊ

- Địa chỉ: 88 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

- Điện thoại: 02323852178

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm đấu giá:

Tài sản đấu giá là **04 xe ô tô đã qua sử dụng** (bán đấu giá riêng lẻ từng chiếc), chi tiết như sau:

STT	Tên tài sản	Giá khởi điểm
1	Xe ô tô con Toyota Corolla Altis biển số đăng ký 74B-1224: Sản xuất năm: 2004; Nước sản xuất: Việt Nam; Loại phương tiện: Ô tô con; Nhãn hiệu: Toyota; Mã hiệu - số loại: COROLLA ALTIS ZZE 122L-GEMEKH; Màu sơn: Đen; Số máy: 1ZZ-4395920; Số khung: ZZE122-7505944; Số người cho phép chở: 04 chỗ ngồi; Loại nhiên liệu: Xăng.	57.000.000
2	Xe ô tô khách Toyota Hiace biển số đăng ký 74B-1909: Sản xuất năm: 2008; Nước sản xuất: Việt Nam; Loại phương tiện: Ô tô khách; Nhãn hiệu: Toyota; Mã hiệu - số loại: HIACE KDH212L-JEMDYU; Màu sơn: Xanh; Số máy: 2KD6076919; Số khung: RL4RS12P189001801; Số người cho phép chở: 15 chỗ ngồi; Loại nhiên liệu: Diesel.	66.000.000
3	Xe ô tô con Toyota Camry biển số đăng ký 73A-000.45: Sản xuất năm: 2002; Nước sản xuất: Nhật Bản; Loại phương tiện: Ô tô con; Nhãn hiệu: Toyota; Mã hiệu - số loại: CAMRY-GRANDE; Màu sơn: Xanh; Số máy: 1MZ-1361311; Số khung: 53SK200X781546; Số người cho phép chở: 04 chỗ ngồi; Loại nhiên liệu: Xăng	75.000.000

STT	Tên tài sản	Giá khởi điểm
4	Xe ô tô con Toyota Camry biển số đăng ký 73A-004.05: Sản xuất năm: 2005; Nước sản xuất: Việt Nam; Loại phương tiện: Ô tô con; Nhãn hiệu: Toyota; Mã hiệu - số loại: CAMRY 2.4G; Màu sơn: Xám bạc; Số máy: 2AZ-3201035; Số khung: ACV308011617; Số người cho phép chở: 04 chỗ ngồi; Loại nhiên liệu: Xăng	86.000.000

Ghi chú: Mức giá khởi điểm nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có), các khoản phí, lệ phí liên quan đến việc sang tên, đăng ký, chuyển nhượng quyền sở hữu, chi phí vận chuyển và các chi phí phát sinh khác liên quan đến tài sản do người trúng đấu giá chịu.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Điều 33 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp, cụ thể:

(Chi tiết Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm kèm theo)

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại.

Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

Các tình huống phát sinh trong quá trình đánh giá các tiêu chí sẽ được Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Trị đánh giá theo khoản 5, 6, 7, 8 Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Thời gian nộp hồ sơ: Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ trong giờ hành chính kể từ ngày thông báo đến **17 giờ 30 phút ngày 26/10/2026**.

- Địa điểm nộp: **VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH QUẢNG TRỊ** - Trụ sở đóng tại 88 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

- Số lượng hồ sơ nộp: 01 bộ bằng bản giấy.

- Nộp hồ sơ trực tiếp, không nhận hồ sơ qua đường Bưu điện; Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu còn thời hạn và Căn cước/căn cước công

dân; không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.

5. Thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Nội dung thông báo này được đăng tải trên trang thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (<https://dgts.moj.gov.vn/>) và niêm yết tại trụ sở Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia tổ chức đấu giá tài sản;
- Bản sao Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức đấu giá tài sản;
- Phương án đấu giá tài sản;
- Bản mô tả năng lực.
- Hồ sơ năng lực, kinh nghiệm;

Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Trị thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- Cổng TTQG về đấu giá tài sản;
- Website đơn vị;
- CT, các PTC;
- Lưu: VT, KT.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Bùi Thị Vân



BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM

(Ban hành kèm theo Thông báo số 466 /TB-VP ngày 21/10/2026 của Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Trị về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản)

TT	NỘI DUNG	MỨC QUY ĐỊNH
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0

TT	NỘI DUNG	MỨC QUY ĐỊNH
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (<i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i>)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (<i>địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ</i>)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (<i>bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành</i>) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0

TT	NỘI DUNG	MỨC QUY ĐỊNH
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	

TT	NỘI DUNG	MỨC QUY ĐỊNH
	<i>thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0

TT	NỘI DUNG	MỨC QUY ĐỊNH
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	<i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0
9.	<i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3,0
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	<i>Có ít nhất 01 cuộc tổ chức đấu giá thành trong phạm vi tỉnh trong năm 2026 có mức vượt sàn cao nhất trong các tổ chức đấu giá tham gia (có tài liệu chứng minh), Tổ chức hành nghề đấu giá có mức vượt sàn thấp hơn sẽ không có điểm mục này.</i>	6,0
2	<i>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh (gần nơi có tài sản đấu giá), không bao gồm trụ sở chi nhánh, cơ sở 2.</i>	2,0
Tổng số điểm		100